

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT

Ngày 31/7/2019

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Kim Anh
Ông Phạm Trung Thực

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/HNGĐ-PT ngày 12/6/2019 về việc: “Ly hôn”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ - ST ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Nhật V, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã N, huyện A, tỉnh Hưng Yên;

Trú tại: Xóm H, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn M, xã N, huyện A, tỉnh Hưng Yên;

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Nhật P, sinh ngày 14/01/2012;

Người giám hộ cho cháu P: Chị Huỳnh Nhật V (mẹ đẻ);

Nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã N, huyện A, tỉnh Hưng Yên;

Trú tại: Xóm H, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn D (bố đẻ anh T);

Trú tại: Thôn M, xã N, huyện A, tỉnh Hưng Yên;

- Bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ chị V);

Trú tại: Xóm H, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Người kháng cáo: Bị đơn Anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Nhật V trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện A, Hưng Yên năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, giữa chị và bố mẹ chồng có bất đồng mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên tháng 6 năm 2014 chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ. Anh T có tìm gặp đón chị về nhưng anh T không có lập trường nên chị không về. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không quan tâm và trách nhiệm với nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, thi thoảng có mâu thuẫn nhỏ nhưng cả hai đều giải quyết được. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn vào ngày 01/6/2014 chị V bế con đi và không quay về, gia đình gọi điện nhưng chị V không nghe, anh và gia đình có vào Quảng Ngãi tìm gặp chị nhưng gia đình chị V không cho gặp. Kể từ thời điểm đó cho đến nay chị V không quan tâm, không có trách nhiệm gì với anh và gia đình, vợ chồng sống ly thân, tình cảm lạnh nhạt, chị V không còn tình cảm với anh và gia đình nên anh nhất trí ly hôn chị V.

Về con chung: Chị V và anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật P, sinh ngày 14/01/2012. Hiện nay chị V đang nuôi dưỡng. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị V và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 07/5/2019, Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Nhật V được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật P, sinh ngày 14/01/2012 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, chị V không được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng nông nghiệp: Không giải quyết.

Ngoài ra bản án còn quyết định án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm

xét xử lại vụ án và xin được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Huỳnh Nhật V có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Cháu Nguyễn Nhật P cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xác định vẫn còn tình cảm với chị V nên đề nghị Hội đồng xét xử cho vợ chồng được đoàn tụ. Trường hợp chị V không nhất trí đoàn tụ thì anh đề nghị được nuôi con chung.

Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kháng cáo của anh Nguyễn Văn T là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát Viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, đã nộp tiền tạm ứng án phí, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng, đảm bảo về tố tụng.

Chị Huỳnh Nhật V, cháu Nguyễn Nhật P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Chị Huỳnh Nhật V và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện A, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/5/2011 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị V có đơn xin ly hôn anh T. Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, lời khai của những người làm chứng, cung cấp của chính quyền địa phương thể hiện: Sau khi kết hôn, chị V và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn kinh tế và có mâu thuẫn giữa anh chị với hai bên gia đình. Tháng 6 năm 2014 chị V đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T và gia đình có tìm gặp nhưng chị không quay về chung sống, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị V cũng không quan tâm và trách nhiệm gì đến gia đình nhà chồng. Nay chị V xin ly hôn, anh T không đồng ý nhưng bản thân anh cũng không tìm được biện pháp nào để cải thiện mối quan

hệ hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho chị V được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3.2]. Về con chung:

Chị V và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Nhật P, sinh ngày 14/01/2012. Cả chị V và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy, nguyện vọng xin được nuôi con chung của cả hai bên đương sự là chính đáng. Tuy nhiên việc giao con chung cho bên nào nuôi dưỡng cũng cần căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; con trên 07 tuổi thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Về điều kiện nuôi con: Chị V và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định có thể đảm bảo cho cháu P về mặt vật chất và tinh thần. Hiện nay cháu P đang ở cùng với mẹ tại Quảng Ngãi và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Hơn nữa cháu là con gái nên rất cần sự chỉ bảo, dạy dỗ của người mẹ về sự phát triển tâm sinh lý của phụ nữ. Do vậy, cần giao cháu P cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm sự ổn định cho cuộc sống sinh hoạt, học tập, phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần của cháu.

Từ những căn cứ trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Quan điểm của Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hưng Yên như sau:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Nhật V được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Nhật P, sinh ngày 14/01/2012 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị V cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000317 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND, THADS huyện A;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VP.

(Đã ký)

Lê Văn Tuấn